

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**
- Tên giao dịch quốc tế: RAILWAY TRANSPORTATION SERVICE JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt tiếng Anh: **VRTS**
- Trụ sở chính: 120 Phố Định Công, Phường Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Điện thoại : 0438.641809- 0438.644805
- Fax: 0438.641205
- Website: : <http://www.vrts.vn>
- Email : vrts@fpt.vn ; vrts@vrts.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103006368 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 05/01/2005 và thay đổi lần 2 ngày 04/6/2009.
- Mã số thuế: 0100105207



I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng năm 1954, Đảng và Nhà nước đã quan tâm khôi phục khẩn trương các tuyến đường sắt. Đây là ngành vận tải quan trọng trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng CNXH ở miền Bắc, góp phần chi viện cho chiến trường miền Nam, đấu tranh thống nhất đất nước. Công tác xếp dỡ ở các ga đường sắt có vị trí rất quan trọng trong vận tải, đó là tác nghiệp hai đầu không thể thiếu trong dây chuyền vận tải đường sắt. Trong bối cảnh đó, Công ty dịch vụ vận tải đường sắt được thành lập ngày 24/6/1964.

Qua hơn 45 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã nhiều lần thay đổi cả về tổ chức và tên gọi: Công ty thiết bị xếp dỡ, Công ty xếp dỡ cơ giới, Xí nghiệp xếp dỡ đường sắt số 2, Công ty xếp dỡ và dịch vụ vận tải đường sắt, Công ty dịch vụ vận tải đường sắt và nay là Công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt .

Ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ vận tải Đường sắt sang Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Đường sắt và chính thức hoạt động kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006368 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Công ty đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Ngành tặng nhiều danh hiệu cao quý, tiêu biểu như sau:

- Tháng 6 năm 1994 được tặng Bằng khen 30 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Tháng 4 năm 1995 được tặng Huân chương lao động Hạng Nhất;
- Tháng 6 năm 1996 được tặng Huân chương Chiến công Hạng Ba;
- Tháng 1 năm 1999 được tặng cờ “Đơn vị xuất sắc 10 năm đổi mới”;
- Tháng 1 năm 2005 được tặng cờ đơn vị 5 năm liên tục xuất sắc trong phong trào an ninh Tổ quốc 2000- 2005;
- Tháng 12 năm 2006 được cấp Chứng nhận ISO 9001: 2000; năm 2009 được nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2008;
- Tháng 9 năm 2008 được trao tặng Cúp vàng ISO;
- Tháng 1 năm 2009 được tặng cờ thi đua xuất sắc của Bộ giao thông vận tải;
- Tháng 6 năm 2009 được tặng Huân chương lao động Hạng Ba;
- Tháng 9 năm 2009 được tặng Cúp Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam lần thứ 1.
- Tháng 5 năm 2010 được Hiệp hội UNESCO Việt Nam tặng Bằng vàng Doanh nghiệp Văn hóa

2. Quá trình phát triển:

* Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Vận tải hàng hoá (kể cả hàng siêu trường siêu trọng); vận tải hành khách;
- Các hoạt động phụ trợ cho vận tải; kinh doanh du lịch lữ hành và các dịch vụ du lịch khác;
- Mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu mỡ;
- Mua bán và đại lý ; tuyển chọn , thu gom than; thu gom các loại đá;
- Tạm nhập tái xuất và chuyển khẩu hàng hoá;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (trừ máy móc thiết bị); sản xuất thân xe có động cơ và rơ moóc; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ;
- Chuẩn bị mặt bằng; xây dựng công trình, hạng mục công trình; lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng;
- Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật; nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Cho thuê máy móc thiết bị khác;
- Dịch vụ bốc, xếp, dỡ hàng hoá;
- Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng.

* Tình hình hoạt động:

a. Giai đoạn từ năm 1964 đến 1975:

Giai đoạn này, Công ty vừa làm nhiệm vụ xếp dỡ hàng hóa vừa làm nhiệm vụ cứu viện, đảm bảo giao thông và tham gia chiến đấu. Với số lao động có lúc lên đến gần 1.700 người, cán bộ công nhân viên Công ty đã bám ga, bám hàng, có mặt ở khắp các trọng điểm đánh phá ác liệt của địch, gửi cả mồ hôi và máu của mình vào những tấn hàng an toàn tới đích, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

b. Giai đoạn từ năm 1976 đến 1988:

Sau chiến tranh, kinh tế xã hội Đất nước đứng trước nhiều khó khăn, đối với Công ty lại càng khó khăn vì lao động dư thừa, phần lớn là lao động thủ công chưa được đào tạo nghiệp vụ. Công ty đã chủ động khắc phục khó khăn, tích cực tìm kiếm khai thác việc làm, tìm ra một số hướng sản xuất mới đó là vận tải, dịch vụ vận tải; thu mua chuyên chở tiêu thụ cho chủ hàng; khai thác vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng.

Công ty đã trở thành đơn vị đi đầu trong cả nước về xếp dỡ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, có vinh dự được phục vụ hầu hết các công trình lớn của Đất nước trong thời gian này.

c. Từ năm 1989 đến 2004:

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Ngành đường sắt tiến hành đổi mới hoạt động. Quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ngành, xuất phát từ kinh nghiệm thực tế sản xuất những năm sau chiến tranh, Công ty tiến hành đổi mới hoạt động của Công ty.

Công ty ban hành quy chế phân cấp, giao quyền chủ động cho các đơn vị. Cơ chế mới đã phát huy tác dụng và tạo ra sự tăng trưởng. Trên cơ sở sản xuất ổn định và tăng trưởng, Công ty từng bước tiến hành việc đầu tư, đổi mới thiết bị.

Công ty mở rộng thêm nhiều lĩnh vực sản xuất như vận chuyển quá cảnh, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh kho bãi... Cơ cấu sản xuất thay đổi, tỷ lệ lao động cơ giới và dịch vụ tăng lên. Sản xuất phát triển, tăng trưởng cao và liên tục trong nhiều năm liền; địa bàn, thị trường phát triển, quy mô sản xuất được mở rộng. Từ chỗ sau chiến tranh sản xuất thu hẹp chỉ còn một số điểm, giai đoạn này Công ty đã khôi phục và thành lập thêm các đơn vị mới, nâng tổng số đơn vị trực thuộc lên 17 đơn vị, hoạt động trên phạm vi cả nước.

d. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

Từ năm 2005 đến nay là giai đoạn đặc biệt, có tính bước ngoặt đối với lịch sử phát triển của Công ty, là giai đoạn đầu tiên đánh dấu sự thành công trong việc đổi mới doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, đóng góp cho xã hội và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Công ty đã sớm ổn định tổ chức, lao động, từng bước triển khai xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế quản lý mới, đổi mới triệt để hoạt động quản lý của doanh nghiệp. Công ty triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000 và được tổ chức Bureau Veritas của Vương quốc Anh đánh giá và cấp chứng chỉ tháng 12 năm 2006 và năm 2009 nâng cấp lên phiên bản ISO 9001- 2008



Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là vận tải hàng hoá như xi măng, clinker, thạch cao cho ngành xi măng, vận chuyển các thiết bị kết cấu thép phục vụ các công trình lớn như Hầm Thủ Thiêm, hành lang Đông Tây, Cầu Cần Thơ ... Đặc biệt là đã trúng thầu những dự án lớn như vận chuyển toàn bộ thiết bị cho Nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2; vận chuyển thiết bị xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia; vận chuyển thiết bị toàn bộ cho Dự án Nhiệt điện Cà Mau...

Công ty đã khai thác thực hiện được nhiều lô hàng lớn như: vận chuyển, xếp dỡ tôn, thép cuộn từ Hải Phòng đi Bắc Ninh và khu vực Hà Nội; thiết bị, cột thép cho Dự án thuỷ điện Sơn La; vật tư cho Dự án cầu Nhật Tân; Dự án các cầu đường sắt; ray 25m tại Quảng Ninh; thiết bị cho Thuỷ điện Bản Chát, Hương Điền (Huế), Đồng Nai, Đak Đoa (Pleiku), Hồ chứa nước Sông Ray; container cho các công ty ô tô Hyundai, Toyota và các khu công nghiệp Quế Võ, Tiên Sơn, Thăng Long, Nội Bài; thiết bị từ khu vực Hải Phòng, Hải Dương đi Dung Quất, Thành phố HCM, Hà Tiên và tháo lắp, vận chuyển nhiều trạm trộn từ Bắc vào Nam và ngược lại.

Trong thời gian ngắn, Công ty đã đầu tư và cơ bản đổi mới, nâng cao năng lực thiết bị xếp dỡ vận chuyển, đặc biệt là việc đầu tư và đưa vào sử dụng dây chuyền xếp dỡ vận chuyển hàng siêu trọng theo công nghệ mới, bảo đảm an toàn, đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; thực hiện tin học hóa trong hoạt động và quản lý sản xuất kinh doanh.

3. Định hướng phát triển:

Công ty đã xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, đặt ra mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực vận tải đa phương thức; có các giá trị cốt lõi tiên tiến, văn hoá doanh nghiệp và bảo vệ môi trường. Đưa VRTS trở thành thương hiệu nổi tiếng trong ngành vận tải vào năm 2015; tạo ra sự tăng trưởng bền vững và phát triển lực lượng lao động tích cực và trung thành với phuong châm:

- Trở thành nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức được ưa chuộng và tin cậy với cam kết đem lại dịch vụ chất lượng cao,
- Đưa ra các giải pháp hợp lý và sáng tạo cho việc vận tải phục vụ khách hàng.
- Điều chỉnh hệ thống và phương pháp nội bộ nhằm thích nghi và đáp ứng các yêu cầu của thị trường.
- Luôn duy trì môi trường văn hóa doanh nghiệp với tinh thần hợp tác và công bằng để CBCNV của Công ty có thể phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

1.1 Thuận lợi:

Công ty qua nhiều năm tăng trưởng liên tục, có thể vượt lên phía trước, tiếp cận và triển khai các vấn đề mới; có nguồn tích lũy, dự phòng cùng với tiềm lực tài chính được tăng cường; khí thế, tinh thần CBCNV phấn khởi tin tưởng; cơ sở vật chất thiết bị được đầu tư đổi mới đáng kể có thể mang lại hiệu quả

030
CÔN
CỔ
CH V
ĐỨ
ĐÁM

trong hoạt động. Về nguồn hàng, chân hàng tiếp tục duy trì một số bạn hàng, chân hàng lớn, ổn định.

1.2 Khó khăn:

Trong sự khủng hoảng, biến động chung của nền kinh tế thế giới và Đất nước, cân đối giá thành là khó khăn lớn nhất do sức ép giảm giá chung của các doanh nghiệp trong khi giá nhiên liệu tiếp tục ở mức cao; một số bạn hàng có khó khăn về tài chính ảnh hưởng đến sản xuất của một số đơn vị trong Công ty; Mặt khác, cùng với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhiều doanh nghiệp trong nước có khó khăn, thua lỗ, hoạt động kém hiệu quả càng làm trầm trọng hơn khó khăn về tài chính trong nhiều doanh nghiệp bạn hàng, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã bám sát sản xuất, đưa ra các nghị quyết, quyết định phù hợp với điều kiện của Công ty; dưới sự chỉ đạo chủ động của Tổng giám đốc Công ty và sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ của lãnh đạo Ngành, sự cố gắng nỗ lực của cán bộ công nhân viên khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch. Kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu nội bộ đạt 40,7 tỷ vượt kế hoạch 13%
- Lợi nhuận trước thuế đạt 4,313 tỷ vượt kế hoạch 26,85%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

3.1 Thực hiện đầu tư, mở rộng sản xuất

Trong năm, Công ty đã mua và đưa vào khai thác thêm 02 đầu kéo 02 đầu kéo Mỹ bước đầu phát huy có hiệu quả, tăng năng lực vận tải, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân;

3.2 Các dự án xây dựng, khai thác đất đai:

Hoàn thiện cải tạo nâng cấp trụ sở Công ty góp phần cải thiện môi trường làm việc phù hợp với nhu cầu sử dụng, củng cố nề nếp tác phong làm việc, văn minh công sở cũng như có điều kiện tiếp tục đưa các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và khai thác tối đa, hạn chế lãng phí diện tích. Cải tạo nâng cấp văn phòng làm việc tại Hải Phòng;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác, đàm phán, ký thỏa thuận hợp đồng xây dựng Khu Văn phòng và đã được thành phố phê duyệt chủ trương, hiện đang triển khai các thủ tục cấp giấy phép dự án. Phối hợp với Công ty Thông tin Tín hiệu nghiên cứu Dự án Khu C. Triển khai tìm kiếm bãi xe, xây dựng nhà xưởng mới tại khu vực Hà Nội và Hải Phòng. Tiếp tục tìm kiếm đối tác triển khai Dự án Khu A1B1.

3.3 Tổ chức khai thác dự án 25 toa xe Trung Quốc:

Mặc dù Dự án có nhiều vướng mắc do cơ chế của Ngành song Công ty đã kiên trì kiến nghị, đề xuất giải quyết và dự án đã đi vào hoạt động ổn định góp

phản vào sản lượng kế hoạch chung Công ty. Đã bảo dưỡng sửa chữa nhỏ Lần 1 cho toàn bộ 25 txa xe, hoạt động ổn định.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2011 nền kinh tế Đất nước vẫn còn khó khăn, Nhà nước tiếp tục quản lý chặt chính sách tiền tệ sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến công tác tổ chức sản xuất của các doanh nghiệp nói chung trong đó có lĩnh vực vận tải. Tuy nhiên với nguồn vốn ổn định đáp ứng đủ cho sản xuất, đồng thời Công ty sẽ tham gia đấu thầu một số công trình, dự án lớn trong ngành than, điện, xi măng sẽ mang đến các cơ hội việc làm cho Công ty, tạo nguồn lực tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao uy tín, vị thế của doanh nghiệp.

Trong các năm tới, dự báo nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục phục hồi, Tổng công ty ĐSVN triển khai nhiều dự án lớn sẽ mở ra cơ hội trong việc phát triển sản xuất kinh doanh vận tải, phục vụ các dự án, công trình. Cùng với đó là sự phục hồi của thị trường bất động sản sẽ mở ra cơ hội cho việc triển khai các dự án xây dựng, đầu tư bất động sản của Công ty, trước hết là khai thác các dự án đất đai, mặt bằng hiện đang có quyền sử dụng.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

- | | |
|--|----------|
| - Khả năng thanh toán nhanh : | 0,42 lần |
| - Khả năng thanh toán hiện hành: | 1,85 lần |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản: | 5,83 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần: | 2,82 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn chủ sở hữu: | 12,69 % |

1.2 Phân tích hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

1.3 Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

Năm 2010 mặc dù là một năm tình hình giá cả thị trường vẫn có sự biến động rất mạnh, kinh tế vẫn còn suy giảm song nhờ sự chủ động nỗ lực, đoàn kết của toàn thể CBCNV trong Công ty trong việc tiết kiệm chi phí, sáng kiến cải tiến kỹ thuật dưới sự chỉ đạo điều hành sát sao của ban lãnh đạo Công ty; Các đòn bẩy về tiền lương tiền thưởng tập trung vào việc cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm giảm các chi phí hoạt động trên một đơn vị sản phẩm. Do vậy kết quả SXKD của Công ty năm 2010 đã đạt tương đối cao.

1.4 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

Tài sản (đồng)	Nguồn vốn (đồng)		
I. Tài sản ngắn hạn	30.901.565.299	I. Nợ phải trả	29.767.953.766
II. Tài sản dài hạn	24.163.152.326	II. Vốn chủ sở hữu	25.296.763.859
Tổng cộng	55.064.717.625	Tổng cộng	55.064.717.625

1.5 Những thay đổi về vốn cổ đông:

Năm 2010 Công ty không có sự thay đổi nào liên quan đến vốn điều lệ của Công ty.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2010
1	TỔNG CỔ PHIẾU		
-	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	CP	2.000.000
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	CP	2.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông	CP	2.000.000
2	CỔ TỨC CHIA CHO CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN	Tr.đ	2.600,0
-	Trả cổ tức năm 2010 (13 %/ vốn điều lệ)	Tr.đ	2.600,0

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2010:

Bước vào năm kế hoạch, Hội đồng quản trị Công ty đã có những dự báo, nhận định chính xác tình hình. Ban lãnh đạo đã chủ động triển khai các biện pháp giảm thiểu khó khăn, tối ưu hoá lợi nhuận, khuyến khích người lao động, thực hiện nhiều biện pháp sáng kiến cải tiến tiết kiệm nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ giảm giá thành vận tải.

Công ty đã tích cực khai thác các dự án, giữ vững được thị trường truyền thống, phát triển những thị trường tiềm năng. Từ đó góp phần nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế mới điều hành sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính; duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

Duy trì áp dụng và liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng quản lý trong doanh nghiệp.

Xây dựng quy chế trả lương gắn với năng suất và chất lượng sản phẩm; sửa đổi bổ sung các chế độ về khen thưởng. Tăng cường pháp chế trong quản lý mọi mặt ở Công ty như: Nội quy lao động, quy định về quản lý mua bán vật tư, qui định về công tác phí, các quy chế đào tạo, an toàn vệ sinh lao động....

Công ty đã tích cực quan tâm chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa đặc trưng của doanh nghiệp, xây dựng những tiêu chuẩn, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp; trung thực- đoàn kết; đổi mới- sáng tạo; lãnh đạo- thận trọng; thịnh vượng- cộng đồng, xây dựng Công ty thành một tập thể thống nhất. Công ty triển khai thực hiện mức ăn ca, chế độ bồi dưỡng độc hại theo đúng qui định, tăng cường chính sách đào tạo tay nghề chuyên môn cho người lao động. Trong năm, nhiều cán bộ công nhân viên được đi tham quan học tập ở nước ngoài.

4. Kế hoạch kinh doanh và phát triển trong năm 2011:

168
Y
N
ÀN
SÀ
TR

4.1 Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch với doanh thu nội bộ 40 tỷ đồng và phấn đấu đạt trên 42 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế trên vốn tối thiểu 17%, cổ tức 13 %. Giao HĐQT chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông (có thể một hoặc nhiều lần nếu không có đề nghị thay đổi về tỷ lệ).

Bảng các chỉ tiêu cơ bản năm 2011

Đơn vị: 1.000.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2010	KẾ HOẠCH 2011	% SO VỚI KẾ HOẠCH 2010
I	Doanh thu nội bộ	36.000	40.000	111,1
II	Lợi nhuận trước thuế	3.400	3.400	100
IV	Cổ tức (đ/CP)	1.300	1.100	84,6

4.2 Đầu tư phát triển, nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ:

Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ chủ hàng theo chiến lược phát triển. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai phát triển sản xuất kinh doanh cả về tổ chức và quy mô đặc biệt là những dự án phối hợp sản xuất phụ gia, vật liệu từ phế thải công nghiệp.

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất. Áp dụng thống nhất phần mềm quản lý hoạt động của Công ty cả về kế hoạch sản xuất, thiết bị, lao động và chế độ; từng bước ứng dụng thiết bị kiểm soát hành trình phương tiện chủ lực tiến tới trang bị toàn bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ tiến độ vận chuyển

4.3 Nâng cao chất lượng dịch vụ:

Chú trọng bảo đảm và nâng cao chất lượng dịch vụ cả về bảo quản an toàn tuyệt đối hàng hóa, thực hiện đúng tiến độ cam kết cũng như thông tin báo cáo chính xác và các dịch vụ hỗ trợ kèm theo khác. Thực hiện cân đối đơn giá và mua bảo hiểm vận tải khi cần thiết; nghiên cứu bổ sung các dịch vụ hỗ trợ, hạ giá thành hợp lý trên nguyên tắc các bên cùng có lợi.

4.4 Tuyển dụng và đào tạo:

Xây dựng Kế hoạch đào tạo dài hạn, chiến lược về phát triển nguồn nhân lực và cơ chế tuyển dụng, thu hút lao động có trình độ về kỹ thuật, ngoại thương, tài chính, vận tải, luật, tin học..., có các biện pháp cụ thể tăng cường công tác tuyển dụng; tiếp tục triển khai công tác đào tạo và đào tạo lại nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thực hiện công việc.

4.5. Công tác xây dựng và khai thác quỹ đất:

Tiếp tục làm việc với các đối tác để có thể ký kết thỏa thuận hợp đồng triển khai dự án Khu A1,B1; Phối hợp với Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu điện và Viễn thông để triển khai Dự án xây dựng tại Khu C.

Triển khai Dự án Khu văn phòng, di dời khi có quyết định của Thành phố và triển khai các Dự án kho bãi tại Khu vực Hà Nội, Hải Phòng.

4.6. Phát triển và phát triển bền vững:

Thực hiện nghiêm túc Chiến lược phát triển Công ty, quy hoạch nguồn hàng; mở rộng ngành nghề kinh doanh; khai thác, tận dụng những tiềm năng, thế mạnh của Công ty; phổ biến và quán triệt những tiêu chuẩn giá trị cốt lõi, văn hóa của doanh nghiệp và các nội dung bảo vệ môi trường;

Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 một cách nghiêm túc, theo nguyên tắc Hệ thống là cơ sở của hoạt động quản lý trong Công ty.

IV. Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập theo qui định của pháp luật về kế toán.
- Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 18 tháng 03 năm 2011 gồm:

1. Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2010 (*đã được kiểm toán*):

Đơn vị tính: VNĐ

SỐ TT	NỘI DUNG	SỐ	SỐ
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	31.758.238.787	30.901.565.299
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.586.242.146	9.896.273.270
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.345.165.822	19.757.617.773
4	Hàng tồn kho	21.941.905	18.909.091
5	Tài sản ngắn hạn khác	805.402.480	1.228.765.165
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	26.695.831.485	24.163.152.326
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	25.217.831.485	22.804.542.326
-	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	25.169.363.303	22.804.542.326
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.478.000.000	1.358.610.000
5	Tài sản dài hạn khác	0	0
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	58.454.070.272	55.064.717.625
IV	NỢ PHẢI TRẢ	34.640.888.532	29.767.953.766
1	Nợ ngắn hạn	27.172.799.146	23.586.506.236
2	Nợ dài hạn	7.468.089.386	6.181.447.530
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	23.813.181.740	25.296.763.859
1	Vốn chủ sở hữu	23.813.181.740	25.296.763.859
-	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	382.909.469	1.159.457.072
-	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	286.564.323	481.220.824
-	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	0	150.000.000

-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	3.143.707.948	3.506.085.963
-	<i>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	58.454.070.272	55.064.717.625

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.385.579.706	113.825.955.922
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.385.579.706	113.825.955.922
4	Giá vốn hàng bán	131.090.501.422	96.337.767.451
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.295.078.284	17.488.188.471
6	Doanh thu hoạt động tài chính	689.975.058	683.062.273
7	Chi phí tài chính	972.618.818	1.030.786.813
8	Chi phí bán hàng	114.060.533	102.070.637
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.679.097.349	13.772.978.867
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.219.276.642	3.265.414.427
11	Thu nhập khác	216.970.559	1.047.764.730
12	Chi phí khác	41.324.756	0
13	Lợi nhuận khác	175.645.803	1.047.764.730
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.394.922.445	4.313.179.157
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.547.603	1.104.253.539
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.018.374.842	3.208.925.618
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.349	1.604
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1.200	1.300

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế

Địa chỉ: P3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội.

1.1. Cơ sở ý kiến:

“Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh

giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.”

1.2 Ý kiến của kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.”

1.3 Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

VI. Các công ty có liên quan

Không có Công ty nào nắm giữ trên 50% vốn của Công ty.

Công ty không góp vốn cổ phần trên 50% vào các công ty khác .

Hiện nay Tổng công ty đường sắt Việt Nam có 576.777 cổ phần trong Công ty chiếm 28,84 % vốn điều lệ thực góp.

Năm 2010 Công ty không đầu tư góp vốn thêm vào các doanh nghiệp khác mà giữ nguyên số vốn đã đầu tư từ các năm trước (Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng VVMI 641.100.000 đồng; Công ty cổ phần Thạch Cao Xi măng 618.000.000 đồng; Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn 343.400.000 đồng).

VII. Tổ chức và nhân sự

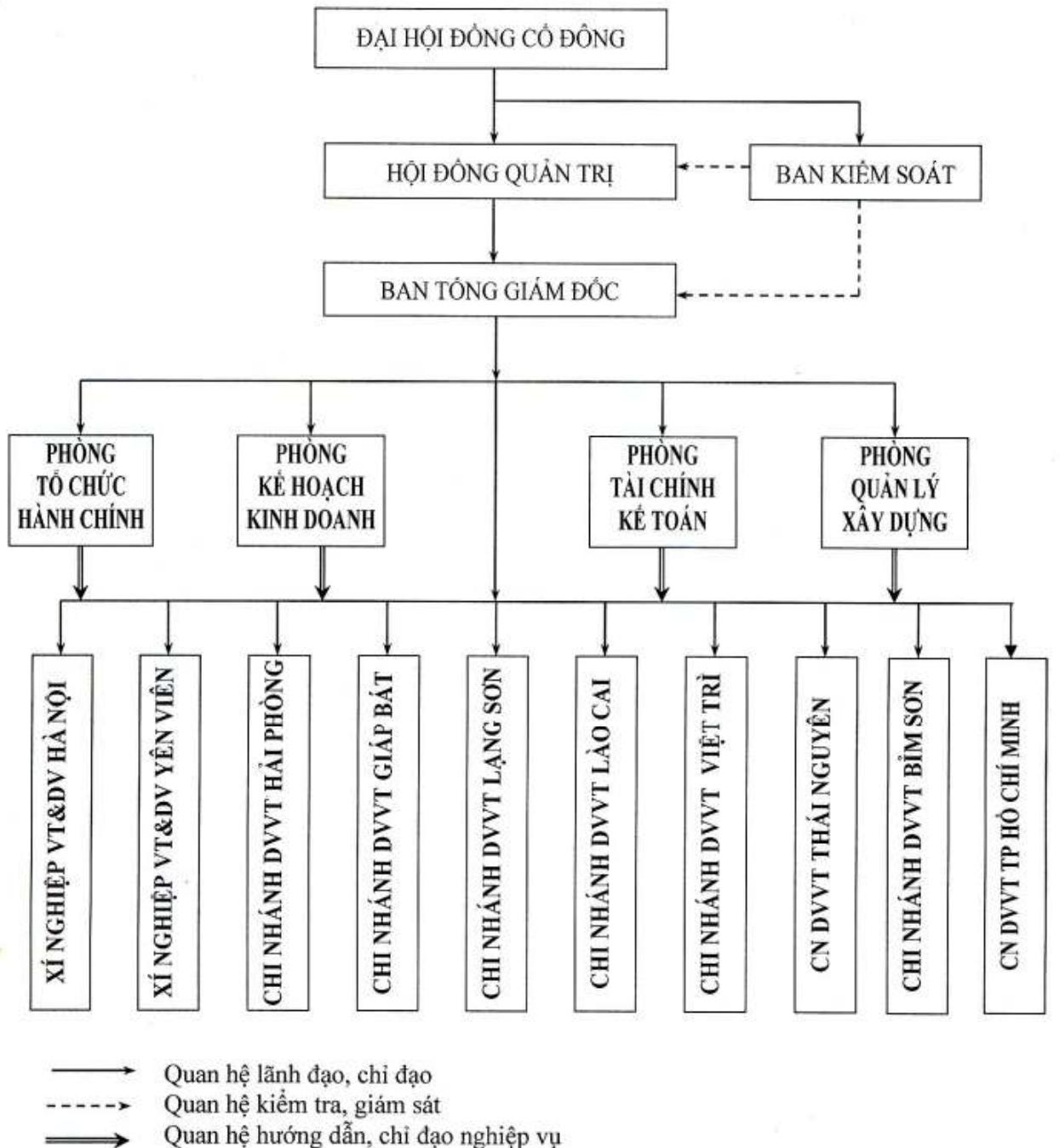
Ban điều hành của Công ty gồm 3 người :

- Tổng giám đốc: Ông Phạm Hùng Sơn - Thạc sĩ Kỹ thuật
- Phó Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kỹ sư Kinh tế
- Phó Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Thanh Quảng - Thạc sĩ QTKD

Số lượng cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty 2010 là 178 người. Người lao động đều được thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ chính sách mà Nhà nước quy định đối với người lao động (Bảo hiểm y tế, xã hội, trả lương...)

NGHỊ ĐỊNH
CỦA BAN
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Đường sắt



VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát :

Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ 05 năm, bao gồm một Chủ tịch và 4 ủy viên. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại điều 27 trong Điều lệ Công ty. Các ủy viên đều là ủy viên kiêm nhiệm.

Ban kiểm soát có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm.

1.2 Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Tổng giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty không có thành viên nào là cổ đông ngoài và 03 thành viên đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Mỗi thành viên trong BKS phải chủ động với nhiệm vụ được phân công, thường xuyên báo cáo, cung cấp thông tin cho trưởng BKS về hoạt động SXKD của Công ty theo từng lĩnh vực để trưởng ban xem xét tổng hợp báo cáo HĐQT.

Hợp định kỳ mỗi năm ít nhất 02 lần (06 tháng một lần) họp lần 1 sau khi kết thúc quý II, họp lần 2 sau khi kết thúc năm kế hoạch (BKS họp trước khi HĐQT Công ty họp đánh giá tình hình thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và năm kế hoạch). Lịch họp cụ thể do Trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo. Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản báo cáo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập

1.4 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Hội đồng quản trị trong Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty. Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty.

1.5 Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho Chủ tịch, các ủy viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội cổ đông năm



2009 đã thông qua. Tổng số thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2010 là 257.400.000 đồng.

1.6 Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, trình độ học vấn:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Phạm Hùng Sơn | - Chủ tịch: Thạc sĩ Cơ khí giao thông |
| - Ông Nguyễn Đăng Khoa | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |
| - Ông Nguyễn Thanh Quảng | - ủy viên: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |
| - Ông Cao Xuân Hạt | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |
| - Ông Phạm Văn Hà | - ủy viên: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- | | |
|-----------------------|--|
| - Ông Đỗ Minh Phương | - Trưởng ban: Kỹ sư vận tải đường sắt |
| - Ông Trịnh Hùng Tư | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |
| - Ông Chu Phùng Trọng | - ủy viên: Kỹ sư cơ khí |

1.7 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc như sau:

Đơn vị tính: cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CP ĐẾN 31/12/2010	
			VỐN NHÀ NƯỚC	VỐN CÁ NHÂN
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		576.777	267.624
1	Ông Phạm Hùng Sơn	CT HĐQT	576.777	69.097
2	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Ủy viên	0	44.251
3	Ông Nguyễn Thanh Quảng	Ủy viên	0	43.794
4	Ông Cao Xuân Hạt	Ủy viên	0	45.965
5	Ông Phạm Văn Hà	Ủy viên	0	64.517
II	BAN KIỂM SOÁT		0	70.765
1	Ông Đỗ Minh Phương	Trưởng BKS	0	25.257
2	Ông Trịnh Hùng Tư	Ủy viên	0	30.651
3	Ông Chu Phùng Trọng	Ủy viên	0	14.857
III	BAN GIÁM ĐỐC và KTT		576.777	157.142
1	Ông Phạm Hùng Sơn	Tổng Giám đốc	576.777	69.097
2	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng GD	0	44.251
3	Ông Nguyễn Thanh Quảng	Phó TGĐ, Kế toán Trưởng	0	43.794

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

2.1. Cổ đông góp vốn trong nước:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước tính đến ngày 31/12/2010 như sau: Cổ đông là tổ chức: 01 cổ đông chiếm 28,84 % vốn góp. Cổ đông là cá nhân: 177 cổ đông chiếm 71,16 % vốn góp. Cổ đông lớn góp vốn là Đường sắt Việt Nam (Địa chỉ 118 Lê Duẩn, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Số đăng ký kinh doanh 113842 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp) và hiện nắm giữ 576.777 cổ phần chiếm chiếm 28,84 % vốn góp của Công ty.

2.2. Cổ đông góp vốn nước ngoài:

Số lượng và thông tin chi tiết cổ đông nước ngoài: Không có cổ đông nước ngoài góp vốn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

